

Bản án số: **238/2022/HN-ST**

Ngày: 20-9-2022

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Công Tâm;
2. Bà Đinh Hồ Mỹ Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm My - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 76/2022/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Chị Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1995; Đăng ký thường trú: ấp Q A, xã L T, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Chỗ ở hiện nay: ấp T T, xã T T, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Có mặt

2. Bị đơn:

Anh Trần Văn Minh C, sinh năm 1993; Nơi cư trú: ấp Q A, xã L T, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là bà Lê Thị Thùy V - Văn phòng Luật sư Lê Thùy V - Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long. Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Theo văn bản ủy quyền tham gia tố tụng số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam cho ông Phan Hà Thanh M - Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre làm đại diện.

Ông Phan Hà Thanh M ủy quyền cho bà Đoàn Thị Ngân Đ - Phó Giám đốc Chi nhánh huyện Chợ Lách tham gia tố tụng. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/01/2022, văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn Minh C tìm hiểu tự nguyện kết hôn năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Thới, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre vào ngày 29/7/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng hơn 01 năm, thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng cùng nhau làm nhạc sóng cũng có kinh tế, anh chị xây nhà riêng sinh sống, nhưng sau đó phía anh C bắt đầu ăn chơi, cờ bạc, ít đi làm hơn gây ra việc thiếu hụt kinh tế, bị nợ nần, tiền làm chỉ đủ chi tiêu cho cuộc sống và trả nợ cho anh C, chị cũng nói chuyện để khuyên ngăn anh C nhưng không được. Anh C khó khăn với vợ con trong việc chi tiêu trong gia đình, vợ con mua đồ ăn lặt vặt thì anh C khó khăn không cho nhưng anh C lại lấy hết tiền ăn chơi, cờ bạc thì không tiếc tiền. Ngoài ra, anh C hay ghen tuông vô cớ rồi chửi bới đánh đập chị rất nhiều lần, khi đánh chị xong thì vài bữa sau anh C nan nỉ nên tôi cũng bỏ qua, rất nhiều lần như vậy mà anh C không thay đổi được. Vào tháng 01/2022 không biết anh C nghe lời ai mà về nhà chửi chị, rồi đòi chặt đầu chị, chị sợ quá nên trốn về nhà mẹ ruột ở đến nay; trong thời gian chị về nhà mẹ thì anh C vẫn không biết lỗi, không qua nói chuyện với chị, có lần điện thoại nan nỉ, có lúc thì điện thoại chửi chị. Vì vậy, chị và anh C đã sống ly thân từ tháng 01/2022 đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không thể nào hàn gắn, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C và không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Nguyễn Bảo T, sinh ngày 22/12/2014, hiện con đang sống cùng anh C. Nay con có nguyện vọng sống cùng với chị nên sau khi ly hôn, chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung, chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị làm nghề cây giống, làm người dẫn chương trình cho đám cưới, thu nhập hàng tháng trên 10.000.000 đồng, kinh tế ổn định, đủ điều kiện lo cho con; hiện nay con sống cùng anh C, bên anh C khó khăn không cho chị thăm con và rước con về chơi; anh C đi suốt không ở nhà chăm sóc con, anh C thường gửi cháu cho bà nội đi vườn dẫn cháu theo chăm (bà nội có chồng, sống ở nhà riêng), chị phải đi theo ra vườn để thăm con, nhiều lần cháu đòi về sống cùng chị, kêu chị rước con về sống cùng do cha cháu đi suốt không chăm cháu, bỏ cháu cho bà nội, nhưng khi chị rước con thì anh C không cho.

- Về tài sản chung: Chị và anh C có các tài sản chung như sau:

+ Thửa đất số: 148, tờ bản đồ số: 8, diện tích: 817m² tọa lạc tại xã Tân Thiềng, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, hiện nay do chị đang quản lý, canh tác thửa đất này. Chị không đồng ý chia đôi thửa đất nêu trên vì đây là tài sản cho cha mẹ ruột chị cho riêng chị không phải tài sản chung trong thời kì hôn nhân. Nếu trường hợp Tòa án phải chia tài sản này, thì chị yêu cầu chia làm 03 phần, do đất này của mẹ chị cho chị và cháu ngoại, đất bên chị đang quản lý; chị nhận 01 phần, 01 phần để dành cho con gái, 01 phần giao cho anh C nhưng chị giao cho anh C bằng giá trị đất mà Hội đồng định giá đã định. Còn nếu trường hợp anh C đồng ý thì chị đồng ý cho lại toàn bộ thửa đất cho con gái.

+ 10 cái loa loại lớn để hát nhạc sóng và 02 cái amply, 02 cái micro. Có giá trị là 33.200.000 đồng. Anh C đang quản lý sử dụng các tài sản này. Chị yêu cầu nhận $\frac{1}{2}$ giá trị theo giá hội đồng định giá, đồng ý để anh C tiếp tục sử dụng toàn bộ số tài sản này.

+ 01 cây đàn organ, có giá trị là 11.200.000 đồng, hiện do anh C đang quản lý sử dụng. Chị yêu cầu nhận $\frac{1}{2}$ giá trị theo giá hội đồng định giá, đồng ý để anh C tiếp tục sử dụng cây đàn này.

+ 01 chiếc xe máy hiệu blade mua vào năm 2017, biển kiểm soát số 71C4 - xxxx, xe do chị D đứng tên giấy đăng ký xe. Có giá trị là 10.000.000 đồng hiện tại anh C đang sử dụng chiếc xe này. Chị nhận xe và đồng ý giao lại $\frac{1}{2}$ giá trị theo giá hội đồng định giá cho anh C.

+ Đối với 2.000 gốc mít đã ghép (anh C trình bày 3000 cây là không chính xác do cây bị chết), đối với gốc mít này hai bên thống nhất mít không có giá trị nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Chị và anh C có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre số tiền 60.000.000 đồng, lãi suất: 9%/năm, hạn vay là 36 tháng, mục đích vay là để phục vụ hoạt động kinh doanh theo Hợp đồng tín dụng số 7106LAV202104010 ngày 15/11/2021. Đối với khoản nợ này chị đồng ý trả cho ngân hàng 30.000.000 đồng, anh C có trách nhiệm trả cho ngân hàng 30.000.000 đồng và ½ lãi phát sinh.

Đối với kết quả xem xét thẩm định, đo đạc và định giá tài sản ngày 02/8/2022 thì tôi đồng ý, không yêu cầu định giá lại.

** Theo đơn phản tố, văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Trần Văn Minh C trình bày:*

Anh đồng ý với lời trình bày của chị Nguyễn Thị Kim D về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn. Sau khi kết hôn, anh chị xây nhà riêng sinh sống, sống hạnh phúc khoảng 07-08 năm thì phát sinh mâu thuẫn, còn nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thì chị D trình bày không đúng, nguyên nhân do gần đây anh nghe rất nhiều lời đồn về vợ anh có người đàn ông khác bên ngoài, có những người hàng xóm nói với anh là thấy vợ anh có người đàn ông khác (chỉ nói chứ không có chứng cứ gì), sau khi anh nghe vậy thì về nhà hỏi chị D nhưng chị không trả lời gì mà làm thinh, rồi anh nói dẫn chị D vô nhà người đó nhưng chị D không chịu đi vào nhà người đó, “anh có nói với chị D là có hay không nói cho anh biết để anh tính chứ em nói xạo là anh chặt đầu nha” sau đó chị D về nhà mẹ ruột ở từ tháng 01/2022 cho đến nay.

Việc chị D trình bày anh cờ bạc không lo làm ăn là không đúng, do lúc dịch Covid - 19 nên không làm được, rồi không có tiền như lúc trước, thỉnh thoảng anh cũng có theo bạn bè chơi đá gà nhưng ít khi đi, khi nào bạn anh rủ thì anh mới đi, còn tiền thì do lúc anh đi nhạc anh được bo tiền nên anh để dành xài riêng. Đối với việc chị D trình bày là anh hay đánh đập chị D thì không đúng, anh chỉ đánh chị D 01 lần khoảng vào tháng 12/2021 do hôm lúc vợ chồng anh đang nhậu ở nhà với 01 người em trai bà con xa của anh và với 01 người nữ bạn chung nữa, tổng cộng nhậu có 04 người, trong lúc nhậu chị D ngồi nhậu có gác tay qua người em trai bà con này nên anh ghen anh đánh chị D 02 bực tay, lúc này chỉ còn anh, chị D và người bạn nữ; anh đánh xong là chị D bỏ về nhà mẹ ruột luôn. Mặc dù anh và chị D có mâu thuẫn nhưng đó chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong đời sống vợ chồng. Do anh còn thương vợ nên anh không đồng ý ly hôn với chị D, anh muốn được hàn gắn tình cảm để lo cho vợ con.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Nguyễn Bảo T, sinh ngày 22/12/2014, hiện con đang sống cùng anh. Nếu phải ly hôn, anh yêu cầu được

tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh làm nghề đi nhạc sóng cho đám cưới, có tháng khoảng 15 triệu, có tháng thu nhập tốt khoảng hơn 30 triệu. Mặc dù cháu muốn về sống cùng với chị D nhưng anh muốn nuôi con để chăm sóc tốt cho con, chị D không có kinh tế bằng anh, chị D cũng không lo được cho con.

- Về tài sản chung: Anh và chị D có các tài sản chung như sau:

+ Thừa đất số: 148, tờ bản đồ số: 8, diện tích: 817m² tọa lạc tại xã Tân Thiềng, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, thửa đất này hiện đang trồng cây mít siêu sớm để lấy bo ghép, hiện nay do anh và chị D đang quản lý, canh tác thửa đất này. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi thửa đất nêu trên, anh đề nghị được nhận toàn bộ diện tích thửa đất 148, anh sẽ hoàn lại ½ giá trị thửa đất cho chị D theo giá hội đồng định giá do đây là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

+ 10 cái loa (trong đó có 05 cái loa bị hư, hiện còn sử dụng 05 cái loa) loại lớn để hát nhạc sóng và 02 cái amply, 02 cái micro. Có giá trị là 33.200.000 đồng. Anh đang quản lý sử dụng các tài sản này. Anh yêu cầu nhận bằng hiện vật toàn bộ số tài sản này, anh sẽ hoàn lại cho chị D ½ giá trị theo giá hội đồng định giá.

+ 01 cây đàn organ, có giá trị là 11.200.000 đồng. Anh đang quản lý sử dụng cây đàn này. Anh yêu cầu nhận bằng hiện vật cây đàn, anh sẽ hoàn lại cho chị D ½ giá trị theo giá hội đồng định giá.

+ 01 chiếc xe máy hiệu blade mua vào năm 2017, biển kiểm soát số 71C4 - xxxxx, xe do chị D đứng tên giấy đăng ký xe, hiện tại anh đang sử dụng chiếc xe này, xe có giá trị là 10.000.000 đồng. Nay anh yêu cầu nhận ½ giá trị theo giá hội đồng định giá, anh giao lại chiếc xe này cho chị D, chị D hoàn lại anh ½ giá trị.

+ Anh và D đang canh tác khoảng 3.000 gốc mít đã ghép, số mít này anh và chị D gửi nhờ trên đất của cha mẹ D (mít vô bọ), đối với gốc mít này hai bên thống nhất mít không có giá trị nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Anh và chị D có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre số tiền 60.000.000 đồng, lãi suất: 9%/năm, hạn vay là 36 tháng, mục đích vay là để phục vụ hoạt động kinh doanh theo Hợp đồng tín dụng số 7106LAV202104010 ngày 15/11/2021. Đối với khoản nợ này anh đồng ý trả cho ngân hàng 30.000.000 đồng, chị D có trách nhiệm trả cho ngân hàng 30.000.000 đồng và ½ tiền lãi phát sinh.

Tại phiên toà, anh C xác định không thể hàn gắn tình cảm với chị D nên anh đồng ý ly hôn với chị D, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Đối với kết quả xem xét thẩm định, đo đạc và định giá tài sản ngày 02/8/2022 thì tôi đồng ý, không yêu cầu định giá lại.

** Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Chợ Lách, Bến Tre là bà Đoàn Thị Ngân Đ trình bày:*

Chị D và anh C có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre số tiền 60.000.000 đồng, lãi suất: 9%/năm, hạn vay là 36 tháng, mục đích vay là để phục vụ hoạt động kinh doanh theo Hợp đồng tín dụng số 7106LAV202104010 ngày 15/11/2021. Hiện nay, anh C và chị D đã trả cho Ngân hàng được 1.600.000 đồng tiền lãi 03 tháng (tháng 12/2021, 01/2022, 02/2022). Do đó, anh C và chị D còn nợ Ngân hàng số tiền 60.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh. Trường hợp anh C và chị D ly hôn thì đề nghị anh chị thanh toán khoản nợ trên cho phía ngân hàng gồm số tiền 60.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi của HĐ theo quy định.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Anh C và chị D kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận, thời gian đầu sau khi kết hôn anh chị sống rất hạnh phúc, cách nay khoảng hơn 01 năm thì anh chị có mâu thuẫn nhỏ trong đời sống vợ chồng nên chị D bỏ về nhà mẹ ruột, từ đó làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt. Tại phiên toà anh C đồng ý ly hôn với chị D, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn nên đề nghị HĐXX công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị D và anh C. Khi ly hôn, anh C yêu cầu Tòa án giao con chung cho anh C nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Do hiện nay anh C có công việc, thu nhập ổn định đủ điều kiện lo cho con và cháu T hiện nay cũng đang sống cùng anh C, được anh C chăm sóc tốt. Còn về tài sản chung, nợ chung đề nghị chia đôi như yêu cầu phản tố của anh C.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim D đối với anh Trần Văn Minh C. Ghi nhận chị D không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

+ Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Kim D được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Trần Nguyễn Bảo T, sinh ngày 22/12/2014. Ghi nhận chị D không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Ghi nhận chị D và anh C thỏa thuận được như sau:

Anh C được nhận bằng hiện vật 10 cái loa (trong đó có 05 cái loa bị hư, hiện còn sử dụng 05 cái loa) loại lớn để hát nhạc sóng và 02 cái amply, 02 cái micro có giá trị là 33.200.000 đồng; 01 cây đàn organ, có giá trị là 11.200.000 đồng. Anh C có trách nhiệm hoàn lại $\frac{1}{2}$ giá trị cho chị D là 22.200.000 đồng.

Chị D được nhận bằng hiện vật 01 chiếc xe máy hiệu blade mua vào năm 2017, biển kiểm soát số 71C4 - xxxxx, xe có giá trị là 10.000.000 đồng. Chị D có trách nhiệm hoàn lại $\frac{1}{2}$ giá trị cho anh C là 5.000.000 đồng, anh C có trách nhiệm giao lại chiếc xe cho chị D quản lý.

Ghi nhận anh C và chị D không yêu cầu gì đối với khoảng 3.000 gốc mít đã ghép.

Còn đối với thửa đất số: 148, tờ bản đồ số: 8, diện tích: 817m² đề nghị chia $\frac{1}{3}$ giá trị đất phần đất cho anh C, chị D nhận $\frac{2}{3}$ thửa đất, buộc chị D giao lại $\frac{1}{3}$ giá trị đất tương đương cho anh C. Chị D được trọn quyền sử dụng thửa đất nêu trên.

+ Về nợ chung: Ngân hàng không yêu cầu độc lập nên ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn” được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Chợ Lách, Bến Tre là Đoàn Thị Ngân Đ

có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà D.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh C tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Thới, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Theo chị D, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh C ghen tuông, khó khăn với vợ con, anh C mê chơi, cờ bạc không lo làm ăn nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh C, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn. Còn anh C thì cho rằng, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, do anh ghen tuông nên mới lỡ đánh chị, tại phiên tòa anh C đồng ý ly hôn với chị D.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị D và anh C thực tế là có xảy ra và giữa hai người đã sống ly thân từ tháng 01/2022 đến nay. Với khoảng thời gian trên cũng đủ cho anh, chị suy nghĩ lại tình cảm vợ chồng thế nhưng cả hai cũng không tìm cho mình một biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã nhiều lần tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng thế nhưng chị D vẫn kiên quyết ly hôn, đến nay giữa anh chị vẫn không tìm được giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, chị D vẫn cương quyết xin ly hôn, điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh C là đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt nhất nhằm đem lại tự do cho cả hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh C là phù hợp theo quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Có 01 con chung Trần Nguyễn Bảo T, sinh ngày 22/12/2014, hiện con đang sống với anh C. Sau khi ly hôn, chị D, anh C đều yêu cầu được nuôi con chung, xét yêu cầu nuôi con của chị D, anh C là chính đáng. Căn cứ vào biên hỏi ý kiến cháu T vào ngày 29/8/2022, cháu T có nguyện vọng sống về cùng chị D, HĐXX xét thấy: mặc dù hiện nay cháu T đang sống cùng anh C nhưng cháu T là con gái đang ở độ tuổi phát triển tâm sinh lý nên cần mẹ bên cạnh chăm sóc cho đời sống hằng ngày của cháu, chị D cũng có công việc ổn định, đủ kinh tế lo cho con, hơn nữa thực tế hiện nay giữa nhà anh C và chị D ở hai xã liền ranh với nhau nên không làm thay đổi, không ảnh hưởng đến việc học tập của cháu tại trường, cũng thuận tiện

cho việc anh C tới lui chăm sóc cháu, vì vậy HĐXX giao con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con chung, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị D không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung:

- Đối với 10 cái loa (trong đó có 05 cái loa bị hư, hiện còn sử dụng 05 cái loa) loại lớn để hát nhạc sóng và 02 cái amply, 02 cái micro có giá trị là 33.200.000 đồng; 01 cây đàn organ, có giá trị là 11.200.000 đồng, anh C đang quản lý tài sản. Hai bên thống nhất anh C được nhận bằng hiện vật và anh C có trách nhiệm hoàn lại $\frac{1}{2}$ giá trị cho chị D là 22.200.000 đồng.

- Đối với 01 chiếc xe máy hiệu blade mua vào năm 2017, biển kiểm soát số 71C4 - 23405, do chị D đứng tên giấy đăng ký xe, hiện anh C đang quản lý, xe có giá trị là 10.000.000 đồng. Hai bên thống nhất chị D được nhận bằng hiện vật và chị D có trách nhiệm hoàn lại $\frac{1}{2}$ giá trị cho anh C là 5.000.000 đồng.

- Anh C và chị D không yêu cầu gì đối với khoảng 3.000 gốc mít đã ghép.

Xét đây là sự tự nguyện của các bên đương sự, không trái với quy định pháp luật nên được ghi nhận.

- Đối với phần đất thuộc thửa đất số: 148, tờ bản đồ số: 8, diện tích: 817m² tọa lạc tại xã Tân Thiềng, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, thửa đất này hiện đang trồng cây mít siêu sớm để lấy bo ghép, không có công trình trên đất.

Anh C yêu cầu nhận $\frac{1}{2}$ diện tích đất, anh yêu cầu nhận trọn thửa đất và hoàn lại cho chị D $\frac{1}{2}$ giá trị đất. Chị D cho rằng phần đất này là tài sản riêng của chị, không phải tài sản chung vợ chồng nên chị không đồng ý chia theo yêu cầu của anh C. Nếu phải chia đất thì chị D yêu cầu được nhận $\frac{2}{3}$ thửa đất, anh C nhận $\frac{1}{3}$ thửa đất bằng giá trị và chị hoàn lại $\frac{1}{3}$ giá trị đất cho anh C.

Xét thấy, phần đất này có nguồn gốc là của bà Nguyễn Thị D (bà nội của chị D) thuộc thửa 716, tờ bản đồ số 2; vào năm 2003 bà D tặng cho ông Nguyễn Thanh H (cha chị D), đến năm 2013 Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị R đăng ký biến động tách một phần thửa 716 thành thửa 148 tờ bản đồ số 8, diện tích 817m², đến năm 2018 chuyển quyền sử dụng cho chị D, chị D được cấp giấy chứng nhận QSDĐ vào ngày 17/5/2018. Đến ngày 21/11/2018, anh C và chị D cùng đứng tên QSDĐ thửa đất số 148. Về quá trình canh tác, quản lý đất anh C cho rằng cả hai vợ chồng cùng nhau canh tác, còn chị D cho rằng do bên chị D quản lý, canh tác đất, tuy nhiên anh chị thừa nhận trên đất có 90 cây mít loại 2 do anh chị trồng, và anh chị đã sử dụng phần đất này để làm tài sản thế chấp vay

tiền ngân hàng. Như vậy, có căn cứ xác định phần đất này đã được chị D xác nhập chung vào tài sản vợ chồng. Do đó, anh C xác định phần đất này là tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu chia khi ly hôn là có cơ sở nên được chấp nhận.

Anh C yêu cầu chia đôi phần đất này, yêu cầu được nhận trọn phần diện tích 817m^2 thuộc thửa 148 và hoàn lại $\frac{1}{2}$ giá trị đất cho chị D, còn chị D thì yêu cầu được nhận trọn thửa 148 do đây là tài sản riêng của chị. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình thì tài sản chung vợ chồng khi ly hôn được chia đôi nhưng có tính đến công sức đóng góp vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung. Xét thấy, chị D và anh C đều có công sức duy trì và phát triển phần đất này nhưng về nguồn gốc đất là của cha mẹ chị D cho chị D, hơn nữa anh C cũng chỉ đứng tên QSDĐ cùng chị D vào năm 2018 nên chị D phải được nhận phần nhiều hơn, chị D nhận $\frac{2}{3}$, còn anh C nhận $\frac{1}{3}$ là phù hợp. Tuy nhiên, nếu chia 817m^2 thành 03 phần thì diện tích anh C được nhận là $272,3\text{m}^2$ ($817\text{m}^2 : 3$) sẽ không thể tách thửa do dưới diện tích tối thiểu được tách thửa được quy định tại Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ngày 04/9/2018 của UBND tỉnh Bến Tre, đồng thời anh C cũng có nơi ở ổn định tại ấp Quân An, xã Long Thới.

Do đó, Hội đồng xét xử xem xét chia cho anh C được nhận là $272,3\text{m}^2$ nhưng nhận bằng giá trị tương đương, buộc chị D có trách nhiệm hoàn lại cho anh C số tiền là $272,3\text{m}^2 \times 700.000\text{đ}/1\text{m}^2 = 190.633.000$ đồng.

Đối với 90 cây mít loại 2 trên thửa đất 148 hai bên đương sự thống nhất là tài sản chung của vợ chồng nên chia đôi, do chị D được tiếp tục trọn quyền sử dụng đất nên buộc chị D có trách nhiệm hoàn lại cho anh C số tiền là 5.850.000 đồng (45 cây x 130.000đ/cây).

[4] Về nợ chung: Chị D và anh C có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre số tiền 60.000.000 đồng, lãi suất: 9%/năm, hạn vay là 36 tháng, mục đích vay là để phục vụ hoạt động kinh doanh theo Hợp đồng tín dụng số 7106LAV202104010 ngày 15/11/2021. Hiện nay, anh C và chị D đã trả cho Ngân hàng được 1.600.000 đồng tiền lãi 03 tháng (tháng 12/2021, 01/2022, 02/2022). Nay anh C và chị D còn nợ Ngân hàng số tiền 60.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh. Anh C và chị D đồng ý mỗi người có trách nhiệm trả nợ ngân hàng số tiền gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi cho ngân hàng. Tuy nhiên ngân hàng không có đơn yêu cầu độc lập giải quyết số tiền vay này nên không xem xét.

[5] Về phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Xét lời trình bày và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không phù hợp với nhận định của HĐXX nên không được chấp nhận.

[6] Về chi phí tố tụng là 4.656.000 đồng, anh C và chị D mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ là 2.328.000 đồng, do anh C đã nộp xong nên chị D phải hoàn lại cho anh C số tiền là 2.328.000 đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chị D phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng và án phí chia tài sản là 20.423.000 đồng (408.466.000 đồng x 5%).

Anh C phải chịu án phí chia tài sản là 10.892.000 đồng (217.833.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 33, 46, 51, 56, 59, 81, 82, 83, 84, 85, 86 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 28, 147, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1/. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim D đối với anh Trần Văn Minh C. Cụ thể tuyên:

Chị Nguyễn Thị Kim D được ly hôn với anh Trần Văn Minh C. Ghi nhận chị D không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2/. Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Kim D được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Trần Nguyễn Bảo T, sinh ngày 22/12/2014, hiện cháu T đang sống cùng anh C. Buộc anh C phải có trách nhiệm giao con chung tên Trần Nguyễn Bảo T lại cho chị D. Ghi nhận chị D không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con

có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung sau này, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3/. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh Trần Văn Minh C về việc chia tài sản chung như sau:

3.1. Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Kim D với anh Trần Văn Minh C. Cụ thể:

- Anh Trần Văn Minh C được trọn quyền sở hữu đối với 10 cái loa (trong đó có 05 cái loa bị hư, hiện còn sử dụng 05 cái loa) loại lớn để hát nhạc sóng và 02 cái amply, 02 cái micro có giá trị là 33.200.000 đồng; 01 cây đàn organ, có giá trị là 11.200.000 đồng, anh C đang quản lý tài sản.

Anh C có trách nhiệm hoàn lại $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản cho chị D là 22.200.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị Kim D được trọn quyền sở hữu đối với 01 chiếc xe máy hiệu blade mua vào năm 2017, biển kiểm soát số 71C4 - xxxxx, do chị D đứng tên giấy đăng ký xe, buộc anh C có trách nhiệm giao trả chiếc xe trên cho chị D sở hữu.

Chị D có trách nhiệm hoàn lại $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản cho anh C là 5.000.000 đồng.

- Ghi nhận anh C và chị D không yêu cầu gì đối với khoảng 3.000 gốc mít đã ghép.

3.2 Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh Trần Văn Minh C đối với phần tài sản thuộc thửa đất số 148, tờ bản đồ số 8; tọa lạc tại ấp Tân Thạnh, xã Tân Thiềng, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre và căn nhà trên đất. Cụ thể:

Chị Nguyễn Thị Kim D được trọn quyền sử dụng phần đất diện tích 817m² thuộc thửa đất số 148, tờ bản đồ số 8; tọa lạc tại ấp Tân Thạnh, xã Tân Thiềng, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre và toàn bộ cây trồng trên đất.

Đất có tứ cận như sau:

- Bắc giáp thửa 14;
- Nam giáp thửa 175;

- Đông giáp đường;
- Tây giáp thửa 143, 147.

(Có họa đồ kèm theo).

Chị D có quyền và nghĩa vụ đăng ký kê khai đúng tên quyền sử dụng đất đối với phần đất được quyền sử dụng nêu trên theo quy định.

Chị Nguyễn Thị Kim D có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Trần Văn Minh C giá trị quyền sử dụng đất là 190.633.000 đồng và giá trị cây trồng trên đất là 5.850.000 đồng.

3.3 Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4/. Về nợ chung: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Chợ Lách không có yêu cầu độc lập nên không xem xét.

5/. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Kim D phải chịu án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và án phí chia tài sản là 20.423.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006790 ngày 17/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Chị D phải nộp tiếp số tiền án phí là 20.423.000 đồng.

- Anh Trần Văn Minh C phải chịu là 10.892.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.962.500 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006911 ngày 23/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Anh C phải nộp tiếp số tiền án phí là 3.929.500 đồng.

6/. Về chi phí tố tụng: Buộc chị Nguyễn Thị Kim D có trách nhiệm hoàn trả cho anh C số tiền là 2.328.000 đồng.

7/. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu HSVA+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Đức